

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Nguyễn Văn Đen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST - DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Trụ sở chính: Số 128 đường N, phường B, thành phố V, Tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên hệ: Số 86/8 L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpalsal Napat.

Chức vụ: giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hồng Diễm, sinh năm 1992

Giấy ủy quyền ngày 01 tháng 01 năm 2025

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo giấy đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần S hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Vào ngày 01/6/2021 ông Nguyễn Văn M có ký hợp đồng số OMM210601002NA19X cầm cố tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS hai bánh BKS: 65H1-372.00, loại xe HONDA WAVE, số khung RLHJA3916KY215160, số máy JA39E1073581, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 030238 do Công an huyện Thới Lai cấp ngày 18/9/2019. Số tiền cầm cố 9.600.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 01/6/2021-01/6/2022) với mức lãi suất 1,1%/tháng. Mỗi tháng ông M có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi. Trường hợp không trả lãi đúng hạn thì ông M phải trả lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, ông M còn phải chịu khoản phí quản lý hồ sơ cố định trong 12 tháng. Cùng ngày 01/6/2021 công ty đã giải ngân số tiền 9.600.000 đồng cho ông M. Sau đó ông M có ký giấy mượn lại xe để sử dụng. Thỏa thuận trong 01 tháng sẽ trả lại xe. Sau khi ông M nhận tiền đến nay chỉ thanh toán được 01 kỳ và ngưng trả cho đến nay và cũng không trả lại xe. Tính đến thời điểm khởi kiện ông M nợ Công ty số tiền 31.460.274 đồng, trong đó nợ gốc 8.402.415 đồng, lãi trong hạn 549.688 đồng, lãi quá hạn 20.261.853 đồng, phí quản lý hồ sơ 2.246.318 đồng.

Tại phiên tòa, bà Lê Hồng D đại diện theo ủy quyền của công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ 2.246.318 đồng và rút lại yêu cầu đòi ông M trả lại xe. Bà D trình bày do quá trình tính lãi có sai sót nên số nợ Công ty yêu cầu ông M trả tại thời điểm khởi kiện là không chính xác. Nay bà xác định lại phía công ty chỉ yêu cầu ông M trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh đến thời điểm xét xử là 18.546.231 đồng (trong đó nợ gốc là 8.402.415 đồng, lãi trong hạn 4.057.526 đồng, lãi quá hạn 6.086.290 đồng). Đồng thời, yêu cầu ông M trả lãi phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu giải quyết “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hợp đồng cầm cố và phụ lục hợp đồng cầm cố số OMM210601002NA19X ngày 01/6/2021 và giấy mượn xe giữa ông M với Công ty Cổ phần S. Đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn M cầm cố cho Công ty Cổ phần S 01 xe mô tô hai bánh BKS: 65H1-372.00, loại xe HONDA WAVE, số khung RLHJA3916KY215160, số máy JA39E1073581, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 030238 do Công an huyện Thới Lai cấp ngày 18/9/2019. Số tiền cầm cố 9.600.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 01/6/2021 - 01/6/2021) với mức lãi suất 1,1%/tháng Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, thể hiện sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản thì ông Nguyễn Văn M đã ký giấy mượn lại xe nêu trên và sử dụng cho đến nay. Tính đến thời điểm khởi kiện thì hợp đồng cầm cố và mượn lại xe đã quá thời hạn thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty Cổ phần S hoạt động lĩnh vực nhận cầm cố tài sản có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn M thỏa thuận ký kết hợp đồng cầm cố trên cơ sở tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng nên Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông M trả toàn bộ số tiền nêu trên, ông M không có ý kiến phản hồi cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ phủ nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền đã cầm cố tài sản và lãi suất phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông M giao trả lại xe đã cầm cố vì hiện tại không biết tài sản đang ở đâu. Đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ 2.246.318 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Việc phía nguyên đơn thay yêu cầu về số tiền lãi là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 311; Điều 313; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho Công ty Cổ phần S số nợ tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 18.546.231 đồng (trong đó nợ gốc 8.402.415 đồng, lãi trong hạn 4.057.526 đồng, lãi quá hạn 6.086.290 đồng).

Kể từ ngày 11/4/2025 ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 030238 do Công an huyện Thới Lai cấp ngày 18/9/2019 cho ông M khi ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn M về việc buộc ông M trả 01 xe mô tô hai bánh BKS: 65H1-372.00, loại xe HONDA WAVE, số khung RLHJA3916KY215160, số máy JA39E1073581, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 030238 do Công an huyện Thới Lai cấp ngày 18/9/2019 và số tiền phí quản lý hồ sơ 2.246.318 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 927.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai. Công ty Cổ phần S được nhận lại 506.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004681 ngày 06/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Thới Lai;*
- *TAND TPCT;*
- *Cơ quan THA huyện Thới Lai;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thái Minh Ngọc